

Tuy nhiên, nếu xem xét thật kỹ lưỡng các tác phẩm của ông để lại, chúng ta có thể tìm thấy những nét phác họa của một công nghệ lãnh chính trị được cụ thể hóa trong bốn thao tác của một bài thơ.



Phan Châu Trinh

Mặc dù Phan Châu Trinh tự nhận mình là một “nhà hoạt động chính trị và vận động quần chúng An Nam”[1], những trong số các tác phẩm của ông, dường như ta lại chỉ tìm thấy một tác phẩm nào trình bày một cách thật rõ ràng mục tiêu và phương hướng chính trị của ông. Chính chỗ thiếu sót đó đã khiến cho một số nhà nghiên cứu hiện nay tìm cách gán thích tên công nghệ của ông theo chiều hướng “cải tiến”: chỉ đánh giá cao ông như một nhà giáo dục, nhà văn hóa lớn (thậm chí một nhà cách mạng văn hóa) mà vô tình hay cố ý bỏ quên vai trò của ông với tư cách là một nhà hoạt động chính trị.

Tuy nhiên, nếu xem xét thật kỹ lưỡng các tác phẩm của ông để lại, chúng ta có thể tìm thấy những nét phác họa của một công nghệ lãnh chính trị được cụ thể hóa trong bốn thao tác của một bài thơ.

Bài thơ dài 500 câu có tên là “Tinh quân hồn ca II”, được sáng tác vào khoảng năm 1922, nhưng mãi đến đầu thập niên 1980 mới được công bố.[2] Phần cuối của bài thơ, có một đoạn được đặt trong dấu ngoặc kép gồm 16 câu thơ, qua đó tác giả vạch ra một “dự án chính trị” hoàn toàn khác biệt một cách logic với những điều ông đã trình bày qua nhiều tác phẩm văn thơ hay bài phát biểu khác.[3] Bằng cách diễn tả ngôn ngữ của Phan Châu Trinh với những khái niệm chính trị của ngày nay, tôi sẽ cố gắng giải mã bốn công nghệ lãnh chính trị vốn thật kỳ lạ, nhưng làm sáng tỏ mục tiêu, phương hướng chính trị mà nhà dân chủ hàng đầu của nước ta đã vạch ra vào đầu thế kỷ 20 – dựa trên kinh nghiệm của bản thân và thực tiễn của nền dân chủ Pháp.

Có thể đi tìm qua những nét lớn của dự án chính trị kỳ lạ như sau:

Mục tiêu trực tiếp của bài thơ là đòi hỏi:

Chánh t̄ tr̄ b̄ t đ̄ u h̄ a tr̄ c,

Đ̄ nh h̄ n k̄ ph̄ ng c̄ m̄ y n̄ m.

Ch̄ tr̄ ng đ̄ c̄ có ch̄ nam,

Tr̄m đ̄ u t̄ kh̄ i l̄ i l̄ m sai ngoa.

Đ̄ có th̄ hī u “chánh t̄ tr̄” là gì, chúng ta ph̄ i đ̄ c l̄ i m̄ t tác ph̄ m có tên là Pháp-Vī t liên hī p h̄ u chi tân Vī t Nam (N̄ c Vī t Nam m̄ i sau khi Pháp-Vī t đã liên hī p, có th̄ ḡ i t̄ t là Tân Vī t Nam). Đây là m̄ t b̄ n th̄ o ch̄ a hoàn t̄ t đ̄ c sáng tác trong qūng th̄ i gian 1910-1911 nh̄ ng ch̄ a h̄ đ̄ c công b̄ tr̄ c th̄ p niên 1990. M̄ t trong nh̄ ng lý do khī n Phan Châu Trinh không hoàn t̄ t và công b̄ tác ph̄ m này có th̄ là do tác gī không mū n làm s̄ t m̄ uy tín c̄ a nhà yêu n̄ c Phan B̄ i Châu – bī u t̄ ng c̄ a cū c đ̄ u tranh giành đ̄ c l̄ p c̄ a nhân dân Vī t Nam vào th̄ i đó.

Trong tác ph̄ m này, Phan Châu Trinh vī t: “Nay đem trong c̄ n̄ c gī chia làm hai đ̄ ng: m̄ t là đ̄ ng cách m̄ nh, hai là đ̄ ng t̄ tr̄. Nḡ i phát kh̄ i đ̄ ng cách m̄ nh là Phan B̄ i Châu, nḡ i phát kh̄ i đ̄ ng t̄ tr̄ là Phan Châu Trinh.”[4] m̄ t ch̄ khác, ông vī t: “Nay th̄ đem trong n̄ c gī chia làm hai đ̄ ng: m̄ t là đ̄ ng ch̄ tr̄ ng ch̄ nghĩa bài Pháp đ̄ c l̄ p, hai là đ̄ ng ch̄ tr̄ ng ch̄ nghĩa c̄ y Pháp t̄ tr̄; nh̄ ng tóm l̄ i lúc b̄ y gī th̄ t ch̄ a thành hình th̄ c đ̄ ng phái.”[5]

Căn c̄ vào các đōn văn trên, chúng ta th̄ y rõ đī m khác bī t căn b̄ n v̄ m̄ c tiêu chính tr̄ và ph̄ ng pháp đ̄ u tranh gī a hai nhà yêu n̄ c l̄ n c̄ a n̄ c ta h̄ i đ̄ u th̄ k̄ 20. Trong khi Phan B̄ i Châu ch̄ tr̄ ng “bài Pháp” (đū i Pháp) đ̄ giành đ̄ c l̄ p thì Phan Châu Trinh l̄ i ch̄ tr̄ ng “t̄ Pháp” (đū a vào Pháp) đ̄ đòi t̄ tr̄. Nói cách khác, Phan B̄ i Châu coi giành đ̄ c l̄ p, đánh đū i th̄ c dân Pháp là m̄ c tiêu tiên quȳ t, ph̄ i gī i quȳ t r̄ t ráo m̄ c tiêu này tr̄ c khi gī i quȳ t các v̄ n đ̄ khác; còn Phan Châu Trinh l̄ i ch̄ tr̄ ng giành đ̄ c l̄ p b̄ ng hai giai đōn: tr̄ c tiên đòi thī t l̄ p ch̄ đ̄ t̄ tr̄, giai đōn sau m̄ i tính đ̄ n vī c giành đ̄ c l̄ p hoàn toàn. Có th̄ tóm t̄ t ch̄ tr̄ ng c̄ a Phan Châu Trinh là “t̄ Pháp c̄ u t̄ tr̄” (đū a vào Pháp đ̄ đòi t̄ tr̄).

Thi thoảng phải đổi:

Đòi hỏi công lý và vì công lý đòi hỏi phải hành động công khai. Vấn đề cốt lõi của quy chế thi thoảng là thi thoảng phải đổi nhưng mà thi thoảng trung tâm là một Nghị viện:

Có Viện thay mặt quốc dân,

Có quan trách nhiệm đối với công.

“Viện thay mặt quốc dân” chính là Nghị viện hay Quốc hội do nhân dân bầu ra. Đây là cơ quan quyền lực cao nhất trong một quốc gia theo chế độ nghị (parliamentary system, régime parlementaire).

Nhưng nói “quan trách nhiệm đối với công” (quan trách nhiệm đối với công) là có ý nghĩa gì?

Trong lá thư gửi Vua Khmer Đôn ngày 14.7.1922 (“Thư thỉnh cầu”), có một đoạn vẫn có thể giúp ta hiểu thêm về điểm này. Gửi thích về vai trò của các ông vua trong các chế độ quân chủ lập hiến hoặc Tổng thống (Giám quốc) trong các chế độ cộng hòa ở châu Âu thời đó, Phan Châu Trinh viết:

“Còn theo các học thuyết Âu châu mà nói, sao gọi là nước? là tập dân lập mà thành nước; sao gọi là triều đình? là những người đứng đầu quy định cho, phải tuân theo ý muốn của dân mà làm những việc lợi ích quốc gia.

Ông vua hay là ông Giám quốc, chế độ qua là người thay mặt cho một nước, cũng như một người thay mặt cho một tập thể công ty mà thôi.

Ai đã chịu cái trách nhiệm (trách nhiệm) này, đã đứng đầu những cái lợi quy định, thì phải làm cho hết

Y, t do, bình đ ng là nghĩa th , mà các n c vẫn minh thì nay ph i đ t quan N i các t ng tr ng (t c là T t ng) đ thay quy n vua hay Giám qu c đ ch u l i v i dân là th .”[6]

Mô hình đó chính là th^đ ch^đ chính tr^đ c^đ a n^đ c Anh quân ch^đ l^đ p hi^đ n, và cũng là th^đ ch^đ chính tr^đ c^đ a n^đ c Pháp đ^đ i th^đ i Đ^đ tam C^đ ng hòa (Troisième République) – th^đ i mà Phan Châu Trinh s^đ ng l^đ u vong t^đ i Pháp. Vào th^đ i đó, T^đ ng th^đ ng Pháp do Ngh^đ vi^đ n b^đ u (ch^đ không ph^đ i do toàn dân b^đ u) và không tr^đ c ti^đ p tham gia vào b^đ máy hành pháp nh^đ đ^đ i th^đ i Đ^đ ngũ C^đ ng hòa (Cinquième République).[8]

Xây dựng chế độ pháp trị:

Phan Châu Trinh chế độ pháp trị áp dụng luật của nước Pháp thay cho luật pháp cũ (mô phỏng theo luật pháp của Trung Quốc):

Pháp luật của Lang sa làm chế độ,

Lời quy định cùng nghĩa vụ cho dân.

Tại sao pháp luật phải đưa vào Lang sa (tức nước Pháp)?[9] Trong buổi kiến nghị đầu ngày 4.6.1911 nói “về các điều luật và về việc thành lập tòa án bổ sung”, ông viết: “Đông Dương, cái tên hay từ từ nay là chế độ quy định hành chính và quy định pháp luật trong cùng một tay; vì vậy dù quan có làm hại dân, dân cũng không dám nói gì; nếu có ai dám chống lại thì từ từ sẽ đi ngay: như thì phải từ từ học không sai, nếu không thì bỏ đi đây hay bỏ chém; đó là nguyên do sự tàn ác của dân.” Do đó, ông đề nghị: “cho các từ luật pháp, lập các tòa án bổ sung và phân quyền: các quan chức ngành hành chính lo việc cai trị, quan chức ngành pháp luật coi xét việc pháp luật. Làm như vậy, như nghĩ thì hay mà dân chúng phải gánh chịu sự ngày càng bớt đi.”[10].

Trong bài trả lời phỏng vấn dành cho nhà báo E. Dejean de la Bâtie vào đầu tháng 6 năm 1925, so sánh luật pháp của nước Pháp với luật pháp của Nam triều (nhà Nguyễn), ông nhận xét như sau: “Luật pháp của Pháp cho tất cả mọi người, bởi vì với nó, người ta biết phải làm gì. Nó giống như một đường xe lửa, chế độ đi tránh ra ngoài đường ray thì sẽ khập khiễng tàu cán phải. Như ở Trung Quốc thì chính quyền Pháp nộp đường sau một thời gian chính quyền An Nam giữ lại. Nó hành động không trách nhiệm. Tôi lấy ví dụ của tôi: thay vì một đường sắt, thì người ta đã cho chúng ta một chiếc ô tô, có thể không cần biết luật đi đường, đi theo và cần chú ý chúng ta tuốt thích.”[11]

Như vậy, sẽ dễ dàng mua đưa vào luật pháp của nước Pháp để xây dựng luật pháp của nước ta là như một xác định một cách phân chia nghĩa vụ và quyền lợi, từ đó ra một hành lang pháp lý minh bạch, khiến cho người dân yên tâm, không còn phải chịu một thời luật pháp co giãn một cách tùy tiện, tùy hứng và tùy ý thích của những kẻ nắm quyền lực.

Trong một bài nói chuyện tại Sài Gòn vào năm 1925, Phan Châu Trinh đã công khai tán đồng pháp trị – mà ông gọi là dân trị, và nói rõ sự khác biệt giữa pháp trị với nhân trị như sau:

“Nhân trị nghĩa là cái phép luật (pháp luật) thi hành rộng rãi hay là nghiêm nhất tu theo cái lòng vui, buồn, thích, ghét của một ông vua mà thôi, còn phép luật (pháp luật) tuy có cũng như không.”[12] Trong khi đó: “dân trị tức là pháp trị. Quyển luật và bản pháp của một quốc gia trong nước, bất kể quốc gia làm việc nhà nước hay là quốc gia thương, đều có pháp luật chi phối rõ ràng, không khác gì là đã có đồng luật quốc gia, cả trong đồng luật này mà đi, từ do luật bản quốc gia bao nhiêu cũng được, không ai ngăn trở cả. Chỉ từ khi nào xâm lấn đến quyền hạn của quốc gia khác thì không được mà thôi.” [13]

Nói tóm lại, chủ trương của Phan Châu Trinh là xây dựng một chế độ pháp trị, cai trị dựa trên luật pháp minh bạch chứ không dựa trên ý chí tùy tiện của cá nhân, phe nhóm hay đồng phái chính trị nào.

Thực hiện các quyền tự do căn bản:

Mục đích của chế độ tự trị là để nhân dân được làm chủ với một chính trị (được vào vòng chánh trị), tức là thực hiện các quyền tự do của công dân, trong đó đáng chú ý nhất là ba quyền tự do căn bản: tự do hội họp và lập hội (hội hè), tự do tư tưởng (suy nghĩ), tự do ngôn luận và báo chí (nói năng):

Đưa ta được vào vòng chánh trị,

Tự hội hè, suy nghĩ, nói năng.

Nói cách khác, song song với việc quy định chính trị được trao lại cho dân (nhân dân trị tức là bầu ra các quan quy định cao nhất) là một quá trình hình thành một xã hội dân sự trong đó người dân được thực thi các quyền tự do căn bản nhất – như quy định làm chủ một dân tộc thì các quyền tự do khác, mà ngày nay ta thường gọi chung là quyền con người (nhân quyền). Trong tư duy chính trị của Phan Châu Trinh, chúng ta thấy dân chủ luôn gắn liền với tự

do, không hề có chút manh mún nào của thệ duy ngã y bỉ n m t m t thì nói đến dân chủ
những m t khác là i c ph n n các giá trị chung của nhân quyền.

T ch đ quân ch đi đ n ch đ dân ch là c m t b c nh y v t v ch t, là m t s thay đ i
đ i v i t p quán đã ăn sâu c ngàn năm, là đi t thân ph n nô l của th n dân đ n đ a v c a
công dân – ng i làm ch xã h i. Cho nên dân ta ph i đi t ng b c, t m t n và ph i nh đ n
kinh nghiệm dân ch của n c Pháp:

Cũng nên h n ch có ng n,

Đ t tay ta đ l n l n cho theo.

Vào th i đ m Phan Châu Trinh vi t nh ng dòng th này (năm 1922), h u h t các n c châu Á
– k c Nh t B n, v n ch a có đ c m t n dân ch đúng nghĩa, và ngay c c các n c
Âu-M , ch đ dân ch cũng ch a phát tri n thành th c và xác l p đ c v trí v ng ch c nh
ngày nay. Trong khi đó, h u h t các lãnh t chính trị và các nhà t t ng của các qu c gia Á,
Phi, M la-tinh l i ch chú ý đ n ch nghĩa dân t c, cao l m cũng ch nói đ n ch đ dân ch ,
r t ít ng i th t s quan tâm đ n các quy n t do căn b n của ng i dân. Đi u đáng ng c nhiên
là nhà yêu n c đ t Qu ng Nam m c dù xu t thân là m t nhà Nho, l i có th t p thu m t cách
sâu s c ch nghĩa t do (liberalism, libéralisme), không ch nh n m nh đ n th ch dân ch
(Ngh vi n đ i đ n cho dân, Th t ng ch u trách nhi m tr c Ngh vi n), l i còn quan tâm
đ n các quy n t do căn b n của ng i dân. Nh ng n u nhìn l i toàn b quá trình ho t đ ng và
ph ng pháp đ u tranh của ông (khai dân trí, ch n dân khí, t ch c các hi p h i, v n đ ng
qu n chúng đ u tranh b ng ph ng pháp b t b o đ ng), thì chúng ta th y đ i u này hoàn toàn
h p logic.

M c dù không ph i là m t nhà lý lu n chính trị , không có đ i u ki n nghiên c u sâu v các khái
ni m chính trị h c, nh ng qua ho t đ ng th c ti n, Phan Châu Trinh đã tìm ra m t đ ng l i
xây d ng dân ch t bên đ i, xây d ng cái mà ngày nay chúng ta g i là xã h i dân s , đ t ng
b c nâng cao dân trí, ch n h ng dân khí, nh m đ t đ c m c tiêu cao nh t là chuy n quy n
làm ch chính trị t nhà vua sang tay nhân dân.

Xã h i dân s chính là n n t ng v ng ch c của m t ch đ đ i ngh ; ng c l i thi t l p ch đ
đ i ngh chính là t o ra nh ng thi t ch dân ch nh m b o đ m m t cách đ y đ các quy n t

do căn bản của nhân dân. Dân chủ gắn liền với mở rộng tự do và mở rộng tự do là để công chúng chủ dân chủ. Đó chính là điều kiện bảo đảm cho mặt tiến dân chủ có thể phát, không chỉ là dân chủ hình thức và không chỉ thu hẹp trong phạm vi của một thiểu số cố định quy định, để cải thiện.

Vì thế hiện thực hiện chủ đề tự trị

Theo Phan Châu Trinh, không cần đòi hỏi nhanh hay chậm, mục tiêu chính là để người dân nước ta có thể tiếp cận dân chủ cho đến khi đạt được chủ dân chủ thực sự, thay thế chủ đề quân chủ bằng chủ đề dân chủ:

Niên hạn chủ nghĩa kì kèo lâu chóng,

Còn cho ta hiểu phạm vi tình thế.

Quy định vua để lý quy định dân,

Chánh cang trước phi vài phạm khai minh.

Vì có mô phạm (hiểu phạm) tình thế dân chủ của nước Pháp là nhằm đạt được sự thay đổi về quy định lý cao: quy định lý cao để chủ thu được với nhà vua hay hoàng tộc sự chuyển sang tay nhân dân. Và để đạt cho được mục đích này, trước tiên cần phải làm sáng tỏ (khai minh) vài phạm của chính công (chánh cang). Theo Tiến sĩ Đào Duy Anh, “chính công” là “mặt giới với chính trị”. Đó là mặt thể phạm được dùng để nước ta vào thế đó, phạm được phạm với phạm thể programme politique trong tiến Pháp hay political platform trong tiến Anh, phạm được phạm chính là công lĩnh chính trị.

Điều đáng lưu ý là trong bản công lĩnh chính trị này, Phan Châu Trinh vẫn không đạt với đến vai trò của nguyên thủ quốc gia (nhà vua hay Tổng thống).

Có thể gì thích bằng hai giả thuyết:

Một là: Phan Châu Trinh vốn muốn cho con đường quân chủ lập hiến: nếu vua và nguyên thủ nhà Nguyễn đồng ý đi theo con đường lập hiến thì Vua sẽ đóng vai trò nguyên thủ quốc gia. Nhà vua lập hiến hay Tổng thống theo kiểu nước Pháp thì đó tuy là nguyên thủ quốc gia nhưng vẫn chỉ giữ vai trò tượng trưng, quyền hành thực hiện chỉ; quyền lập pháp phải được giao cho Nghị viện, và quyền hành pháp được giao cho một Thủ tướng chịu trách nhiệm trước Nghị viện.

Giả thuyết thứ hai liên quan đến đường tiếp theo của ông với một liên minh chính trị mà ông gọi là Liên hiệp Pháp-Việt. Trong khuôn khổ của một chủ đề (dominion), nguyên thủ quốc gia có thể chính là nguyên thủ của chính quốc – tức là Tổng thống Pháp, như trường hợp Vua hay Nữ hoàng Anh đóng vai trò nguyên thủ quốc gia của một số nước như Canada, Úc hay New Zealand, v.v...

Xây dựng liên minh chính trị giữa hai nước Pháp và Việt Nam:

Phan Châu Trinh có ý định thay một cho nhân dân Việt Nam để đường với nước Pháp để án chính trị này. Do đó, ông phân tích của đoàn thể 16 câu nói trên[14], ông thay một cho nhân dân Việt Nam bày tỏ đường với nhân dân Pháp:

Nay tạm phép tôi tình đi bị u,

Cố tình kêu gọi triệu Lang sa;

Hãy xin mở lòng ng hòa,

Ra tay tôi đi con nhà An nam.

Những đồ vật hiên đúng theo trình tự pháp lý, đồ án chính trị này phải được chính thức thông qua hai “sam”[15] (tức hai Viện của Nghị viện Pháp) và chuyển lên cho Giám quốc (Tổng thống Pháp) phê chuẩn:

Xin trên danh hai “sam” hiện tại,

Đề nghị phê duyệt chương trình.

Dâng lên Giám quốc thẩm phê,

Hãy xin kết thúc vấn đề như sau:

Có thể coi bản cộng đồng lãnh này là một đồ án chính trị mà ông đề nghị với nhân dân và Nhà nước Pháp. Tuy nhiên, để có thể trở thành một đồ án có khả năng thực thi, ông phải tìm cách truyền bá trong nhân dân để được mọi người chấp nhận, và nhất là phải thuyết phục được phái bảo hoàng – mà người đứng đầu là Phan Bội Châu.

Theo tác giả của đồ án chính trị, nếu Nhà nước Pháp chấp nhận đồ án này thì phía Việt Nam sẽ sẵn sàng chấp nhận một Liên hiệp Pháp-Việt, trong đó Việt Nam coi nước Pháp là “thầy” và Liên hiệp này sẽ là một liên hiệp bình đẳng giữa hai quốc gia Á và Âu:

Được như thế thì tình ao ước,

Nghĩa thầy trò sau trường mầm mầu.

Lời quy định chung khá dài lâu,

Trên vàng mọt hủ, Á Âu mọt nhà[16]

Như Phan Châu Trinh đã nhận ra trong mọt lá thư gửi cho mọt du học sinh, khái niệm “thầy-trò” mà ông sử dụng có nghĩa là thầy dạy và học trò, hoàn toàn không có nghĩa là “thầy-tù” (chủ-tù). Ông hoàn toàn không chấp nhận quan hệ chủ-nô. Trong khi coi nước Pháp là quốc gia dân chủ đi trước các nước học hỏi kinh nghiệm, ông hoàn toàn bác bỏ chủ đề thực dân coi thuộc địa như mọt thân phận nô lệ.

Mọt liên hiệp chính trị như vậy sẽ giúp cho cả hai nước vượt qua được hận thù trong quá khứ để xây dựng hòa bình:

Mọt tung hô Lang sa vạn tu,

Hai tung hô vạn tu Việt nam.

Sao cho hai nước đồng tâm,

Bà ca truyền ng hủ chép ngâm thái bình.

Sẽ dĩ Phan Châu Trinh tin vào con đường này là vì ông tin vào chủ đề dân chủ ở Pháp, vào những người Pháp có tư tưởng công ái mà ở Đông Dương và ngay tại chính quốc, chủ ông không tin vào “giặc Pháp” (thực thực dân Pháp, colonialistes) như mọt số người thực dân xuyên tạc. Trong thâm tâm, ông vẫn tin tưởng vào phong trào cánh tả ở Pháp – chủ yếu là cánh tả ôn hòa, mà tiêu biểu là Đảng Cộng sản (Parti radical) và nhất là Đảng S.F.I.O. – tiến thân của Đảng Xã hội (Parti socialiste) ngày nay.

Mặc dù là mọt nhà nho, là người dân của mọt nước bị đô hộ, Phan Châu Trinh không hề có tư tưởng bài ngoại. Ông phân biệt rõ ràng: nhân dân Pháp tại chính quốc hoàn toàn khác với thực dân Pháp mà người ta thực sự ghét bỏ và thù hận:

Nghĩa đồng bào, tôi do bác ái,

Lòng Lang sa rồi rồi rồi t bao;

Các anh thu c của lòng nào?

Làm hùm làm hổ khác nhau lòng![17]

Lòng tin đó không chỉ là kết quả suy ra từ lý luận, mà còn là bài học được rút ra từ thực tế. Chính là nhờ những người Pháp có đầu óc công tiến tại Đông Dương như ký giả Babut, đại úy Roux, hoặc các chính khách cánh tả tại Pháp như Francis Pressensé, Marius Moutet, v.v... mà ông đã hai lần thoát khỏi cảnh tù ngục. Lòng tin đó hoàn toàn dựa trên kinh nghiệm thực tiễn của một nhà hoạt động chính trị đã từng bị tù tội nhưng không phải chỉ là lòng tin ngây thơ hay xuê xoa.

Như thế, ta thấy Liên hiệp Pháp-Việt mà Phan Châu Trinh đưa ra là một giải pháp “giành được độc lập bằng con đường bất bạo động”, một giải pháp đưa tranh chính trị đưa vào sức dân là chính, chứ không phải là đường lối xin xỏ dân chúng, cũng xin được độc lập hay “xin giặc Pháp rồi lòng thanh thản”, như những đường lối sai lầm và xuyên tạc của một số người có ác ý.

*

Mặc dù bản cộng đồng lãnh chính trị này đã bị bỏ quên trong một thời gian dài, nhưng ngày nay khi được biết, chúng ta không khỏi ngạc nhiên vì tính chính xác của nó. Tôi mắc mắc với đề “Liên hiệp Pháp – Việt” để dành cho một dịp khác, trong bài viết này tôi tập trung chú ý vào những mặt tiêu thụ của lĩnh vực “nội trị”. Để chỉ rõ với tình hình thực tế hiện nay, chúng ta dễ dàng nhận thấy một điều: mặc dù đã bước sang thế kỷ 21, chúng ta có mặt tiêu nào trở thành hiện thực trên đất nước của chúng ta.

Chỉ nói riêng về ba quy định từ căn bản (từ do từ từ, từ do ngôn luận và báo chí, từ do hội

hợp và lập hội), cho đến nay Đảng Cộng sản vẫn bằng cách này hay cách khác tìm cách hèn chế đến mức tối đa, không cho phép người dân tham gia. Mặc dù với mặt hình thức, Việt Nam đã có Quốc hội và Thủ tướng, nhưng Quốc hội không do dân bầu ra mà do Đảng cộng trị, dân bầu sau. Trong thực tế, người dân chỉ được bầu phiếu tín nhiệm hay chọn lựa trong số những người mà Đảng đã chọn lựa trước – thông qua mặt hình thức phần dân chỉ được mệnh danh là hiệp thông. Quá trình hiệp thông này được điểu hành bởi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc – mặt thể chế không do dân bầu ra nhưng lại được trao quyền chọn lựa, sàng lọc danh sách ứng cử viên. Kết quả của quá trình đó là mặt Quốc hội không đại diện cho dân mà chỉ nhân danh nhân dân để đại diện cho Đảng. Thủ tướng đáng lẽ người do Quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước Quốc hội, trong thực tế lại do Đảng cộng ra và chịu trách nhiệm trước Đảng.

Bộ Chính trị – cơ quan quyền lực cao nhất trong nước, hành xử hoàn toàn ngoài phạm vi của pháp luật, bởi lẽ cho đến nay không có bộ luật nào tại Việt Nam quy định quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Và cũng vì thế, không mặt người dân nào, không mặt thể chế chính trị hay xã hội nào có quyền kiểm soát Bộ Chính trị.

Quyền uy của Bộ Chính trị khác nào quyền uy của mặt Thiên tử xưa trên Thiên Mệnh (Mệnh Trời), nhân dân không được quyền bàn đến. Điểu trừ trên là mặt khi bắt chế với trước Quốc hội, Thủ tướng hay Phó Thủ tướng chỉ cần nêu lý do “đây là đường lối của Đảng, là chủ trương của Bộ Chính trị”, lập tức tất cả các đại biểu Quốc hội đều im thinh, chế khác nào các quan lại của thời Trung cổ phải chấp tay bái lạy trước phán quyết sau cùng của đức quân vương – cho dù đó là phán quyết tùy tiện, bất công.

Gần đây, mặt số cán bộ hủ trí (trong đó có ông cựu Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Đình Lữ) do bị xúc phạm tình hình các cấp lãnh đạo của Đảng chà đạp lên luật pháp, đã được xử lý hình thành luật về Đảng. Mặc dù những người được xử lý giờ pháp này tự ra có thiện chí, nhưng xem ra về phía người dân, không mấy ai tin tưởng vào tính khách quan và hiệu quả của nó. Thế hệ cơ quan nào số số luật về Đảng và sau đó, cơ quan nào có đủ khả năng kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm? Do đó, có thể coi đây là mặt sáng kiến mang tính lãng mạn và không thực tế. Ý nghĩa của giờ pháp này thực ra là “Đảng tự đặt ra luật cho chính mình, tự kiểm tra và tự xử lý chính mình”. Và cũng tựa như thế trước Trật tự của các đảng “thiên tử” đại xá, mặt khi họ nuốt lời, người dân chế còn cách nào khác hơn là ngửa mặt lên trời mà thốt lên hai tiếng: “Trời ơi!”.

Có thể nói sau khi đã lật đổ chế độ quân chế của nhà Nguyễn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lên lút tái lập mặt cơ quan quyền lực thực sự như Hội đồng Cơ mật (Privy Council) của thời quân chế – mặt cơ quan quyền lực không do dân bầu ra và hoạt động hoàn toàn bí mật, vô tội khải tể m kiểm soát của nhân dân. Chính cơ quan này (Bộ Chính trị) đã vô hiệu hóa cơ quan quyền

là Nhà n c cao nh t (t c là Qu c h i) và đôi khi bi n Th t ng và Chính ph tr thành h u danh vô th c. Trong tình hình “ng i có trách nhi m i không có quy n, ng i có quy n i không có trách nhi m” thì nói đ n “Nhà n c pháp quy n” ch ng qua cũng ch là dùng i i đ ng m t đ a g t m t đ a tr con. Hi n pháp hay lu t pháp còn có ý nghĩa gì khi m t s ng i n m quy n i c trong th c t i i t ra ngoài vòng lu t pháp, đ ng trên pháp lu t?

Đi u đáng nói là toàn b n i dung c a c ng ling chính tr mà Phan Châu Trinh trình bày qua 16 câu th nói trên m c dù đã đ c vi t cách đây g n m t th k , nh ng n i dung c a nó không h i th i mà ng c i, có th đ c coi là quá m i m , quá táo b o đ i v i ph n i n các n c Á, Phi và M Latinh hi n nay. Lý do căn b n là s tr i đ y c a phong trào gi i phóng dân t c và đ c i p dân t c trong su t th k 20 đã đ n đ n k t qu h u h t các n c thu c đ a và i thu c đ u đ c gi i phóng, nh ng đ c i p dân t c đã không đ m i t do cho m i công dân và cũng không đ m i đ c nh ng ch đ dân ch đích th c. T i các qu c gia m i hình thành, s ph n kh i t hào do n n đ c i p đ m i đã nhanh chóng tan bi n đ i các ch đ đ c tài b che đ y b ng nhi u th đ n c ng b c và đàn áp tinh vi. Các toàn quy n, th ng đ c da tr ng ra đ nh ng ch cho các “toàn quy n, th ng đ c ng i b n đ a” luôn mi ng nói dân ch nh ng quy t tâm giành i y đ a v ăn trên ng i tr c, nhân danh dân t c và đ a vào thành tích ch ng th c dân nh m t lý i bi n minh cho vi c h có đ c quy n n m quy n i c chính tr, ch ng khác gì các tri u đ i quân ch ngày x a căn c vào M ng Tr i hay công lao đ ng n c, gi n c đ giành quy n th a k cho dòng h , con cháu c a mình. Thuy t Thiên M nh và các nghi th c c truy n b phá b đ nh ng ch cho nh ng nghi th c m i hi n đ i h n, nh ng b n ch t đ c tài, chuyên ch thì không có gì thay đ i, th m chí trên m t s m t còn t h i h n so v i các ch đ quân ch truy n th ng.

Chính trong hoàn c nh đó, b n C ng ling chính tr c a Phan Châu Trinh tr thành bài h c s ng đ ng đ i v i nh ng ng i còn u t v i v n m nh c a đ t n c. H n bao gi h t, chúng ta nh n th c đ c tính c p bách c a công cu c duy tân c n ph i ti n hành trong nh ng th p niên đ u th k 21 này. Công cu c duy tân đó ph i b t đ u b ng vi c c i cách h th ng chính tr theo h ng dân ch t do, b i vì Nhà n c và h th ng chính tr hi n nay chính là khâu y u nh t, là s n ph m i c h u, c h mà Đ ng C ng s n đã áp đ t lên xã h i ta, làm trì tr s phát tri n v m i m t. Không thay đ i đ c h th ng chính tr đó thì cho dù có áp đ ng nh ng bi n pháp khoa h c – k thu t tiên ti n, nh ng ph ng pháp qu n lý kinh t hi n đ i, đ t n c ta cũng không có hy v ng c t cánh hay hóa r ng đ c. Không thay đ i đ c h th ng chính tr đó thì t t c nh ng ch tiêu phát tri n cho dù có giành đ c cũng ch nh m ph c v cho m t thi u s tham nh ng, th i nát, ăn bám, ch không ph i nh m đ ph c v cho qu ng đ i qu n chúng nhân dân. Nói cách khác, m t n c C ng hòa cho dù có đ c i p nh ng không có t do thì nhân dân không th có h nh phúc. Và h n th n a, nh th c t c a nh ng th p niên v a qua đã ch ng minh: không có t do, dân ch thì kh năng b o v đ c i p, b o v ch quy n c a qu c gia cũng tr nên mong manh, y u t.

Suy cho cùng, nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí là đường lối đúng đắn nhất do dân chúng. Chúng ta có thể đem lòng đem lòng cho dân tộc ta cái chìa khóa để bước vào thời đại mới một cách vững vàng. Chúng ta có thể đem lòng đem lòng có thể huy động được mọi tài trí và sức lực của nhân dân vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ dân tộc và tiến hành những công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Việt Nam vào hàng ngũ các quốc gia văn minh trên thế giới.

Đà Lạt, 14.7.2010 – 25.10.2010

Tài liệu tham khảo chính:

- TS Nguyễn Văn Đăng, Tuyển tập Phan Châu Trinh, biên in lần thứ hai, Nxb Văn hóa – Thông tin, 2006, 1262 trang.

- Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh), Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới, tập 1, Nxb Đà Nẵng, 2001.

- Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh), Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới, tập 2, Nxb Đà Nẵng, 2003, 809 trang.

© 2010 Mai Thái Lĩnh

© 2010 talawas

[1] Lê Thị Kinh, Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới, tập II, sđd, tr. 242

[2] Theo Giáo sư Huỳnh Lý thì bài thơ này đã được công bố vào năm 1925 trên tờ Việt Nam hân, một tờ báo của kiều bào tại Pháp, những chứng cứ về điệu này vẫn chưa được công bố. Xem Tuyển tập Phan Châu Trinh (Tuyển tập), sđd, tr. 334.

[3] 16 câu thơ đó (477-492) được đăng ở trang 368 trong Tuyển tập.

[4] Tuyển tập, tr. 581

[5] Tuyển tập, tr. 594.

[6] “Thơ thất diễm”, Tuyển tập, sđd, tr. 651-652

[7] Ở nhiều nước châu Âu, Thủ tướng được gọi là “Bà trưởng thôn nhàn” (premier ministre, prime minister), được gọi là các (cabinet).

[8] Từ năm 1962, nước Pháp đã chuyển sang một mô hình mới trong đó quy định các cơ cấu Tổng thống được tăng cường, thủ tướng được gọi là mô hình hỗn hợp (régime mixte, hybrid system) hay nửa-tổng thống (régime semi-présidentiel, semi-presidential system).

[9] Vào thời đó, người Viêt hay gọi nước Pháp là Pháp-lang-sa, phiên âm của chữ France.

[10] Lê Thị Kinh, sđd, tập I, quyển 3, tr. 37-38

[11] Lê Thị Kinh, sđd, tập II, tr. 537

[12] Tuyển tập, tr. 977

[13] Tuyển tập, tr. 985

[14] Tuy nhiên p, tr. 367

[15] Trong tiếng Pháp, Hội viên được gọi là “Chambre des députés” (Viện dân biểu) hay “Assemblée Nationale” (Quốc hội). Hai “sam” ám chỉ hai Viện của Nghị viện Pháp (Parlement français): Viện dân biểu hay Quốc hội (tức Hội viên) và Viện nguyên lão (Sénat, tức Thượng viện). Trong bản thảo, tác giả ghi “cham”, viết tắt của chữ “chambre”.

[16] Tuy nhiên p, tr. 370

[17] Tuy nhiên p, tr. 350